

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 23/2025/DS-PT

Ngày: 14 – 01 – 2025

V/v: Tranh chấp lỗi đi chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Duy Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết, bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Chi – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 308/2024/TLPT-DS ngày 30/10/2024 về việc “*Tranh chấp lỗi đi chung*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 406/2024/QĐ-PT ngày 09/12/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 388/2024/QĐ-PT ngày 24/12/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Văn S (tên gọi khác: Nguyễn L1), sinh năm 1948 (có mặt);

1.2. Ông Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1974 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số nhà 92, thôn 2, xã C1, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Cao T2, sinh năm 2001 (có mặt) và bà Trịnh Thị L2, sinh năm 1997 (vắng mặt); Cùng địa chỉ: Số 159 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Đức D (có mặt) - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Đ, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 159 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1954 (có mặt); Địa chỉ: Thôn 2, xã C1, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk;.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lâm Thị L2 (vắng mặt);

3.2. Bà Võ Thị V1 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã C1, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền cho bà L2 và bà V1: Ông Trần Cao T2, sinh năm 2001 (có mặt) và bà Trịnh Thị L1, sinh năm 1997 (vắng mặt); Cùng địa chỉ: Số 159 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

3.3. Bà Phan Thị Thúy V2 (vắng mặt); Địa chỉ: Thôn 2, xã C1, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà V2: Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1954 (có mặt); Địa chỉ: Thôn 2, xã C1, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk.

3.4. Ủy ban nhân dân xã C1, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Xã C1, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình C - Chức vụ: Phó chủ tịch (có mặt);

3.5. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Q, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Việt H - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C2 (vắng mặt);

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Phan Tiến B (có mặt); Địa chỉ: Thôn 2, xã C1, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk;

4.2. Ông Lê Hùng V1 (có mặt); Địa chỉ: Thôn 6, xã E1, huyện E2, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Hoàng T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Cao T2 trình bày:**

Năm 1986, ông Nguyễn Văn S nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Tin lô đất diện tích khoảng 4.000m² có tứ cận:

- Phía Bắc: Giáp mặt đường thôn 2, dài 116m;
- Phía Nam: Giáp đất ông Lê Hùng V1, ông Phan Tiến B;
- Phía Đông: Giáp đường đất, dài 34m;
- Phía Tây: Giáp thửa đất 181, dài 47m.

Sau khi mua đất ông S làm nhà và sinh sống ổn định cho đến nay, về phía Đông có con đường đất là lối đi chung để xuống nhà ông Lê Hùng V1 và ông Nguyễn Văn T3 ở phía sau lô đất của ông S.

Năm 1994, do không có nhu cầu sử dụng nên ông Lê Hùng V1 là người có đất giáp phía sau vườn đặt vấn đề chuyển nhượng lại căn nhà gỗ cấp IV và toàn bộ vườn rẫy cả phê có diện tích khoảng 3.000m² thì ông S đồng ý mua lại, lô đất của ông V1 có tứ cận:

- Phía Bắc: Giáp phần đất của ông Nguyễn Văn S;
- Phía Nam: Giáp thửa đất 174;
- Phía Đông: Giáp đường đất dài 41m;
- Phía Tây: Giáp đất ông Phan Tiến B (Thửa 179).

Sau đó, ông S hợp thửa 02 lô đất mua của ông Nguyễn T4 và ông Lê Hùng V1 lại thành 01 thửa đất chung và được UBND huyện C2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) vào năm 1994 với tổng diện tích hơn 7.000m².

Để thuận tiện cho việc đi lại làm rẫy và chuyên chở nông sản từ khu vườn phía sau ra mặt đường phía trước thì gia đình ông S và một số hộ dân tại khu vực như hộ ông Phan Tiến B hàng ngày vẫn sử dụng con đường đất có mặt đường rộng khoảng 4m, chiều dài 75m nối với tuyến đường thôn 2 và một bên giáp với đất rẫy nhà ông Nguyễn Văn T3 để đi lại.

Năm 1999, gia đình ông Nguyễn Văn T3 chuyển nhà từ phía cuối vườn ra trước mặt đường thôn 2 để sinh sống nên gia đình ông T3 ít đi lại, sử dụng con đường này.

Năm 2006, ông T3 có hành vi coi nới, rào chắn và lấn chiếm một phần con đường đất này thì gia đình ông S có ý kiến nhắc nhở đối với ông T3.

Năm 2012, ông S làm thủ tục tách một phần thửa đất đang sử dụng để tặng cho con trai là anh Nguyễn Hoàng T1 để anh T1 xây sửa lại căn nhà đã xuống cấp. Phần đất được tách thửa là diện tích đất mà ông S đã mua lại của ông Lê Hùng V1 vào năm 1994 ở phía cuối vườn và một mặt giáp với con đường đất dài 41m.

Theo GCNQSDĐ số BL 379729 được UBND huyện C2 cấp tách thửa vào ngày 06/12/2012 thì lô đất ông S tặng cho anh Nguyễn Hoàng T1 thuộc thửa đất số: 177, 178; tờ bản đồ số: 18, với tổng diện tích: 3.120m². Phần diện tích còn lại của ông S là 4.080m² thuộc thửa đất số: 180, tờ bản đồ số: 18 theo GCNQSDĐ số BL 379728. Đồng thời, tại trích lục thửa đất trên 02 GCNQSDĐ được cấp mới này đều thể hiện rất rõ về con đường đất nằm ở phía đông thửa đất có mặt đường rộng 4m, chiều dài 75m đi qua 03 thửa đất: 172, 178, 180.

Sau khi được ông S cho đất thì anh Nguyễn Hoàng T1 bắt đầu cải tạo, xây dựng lại căn nhà cấp IV đã xuống cấp do ông Lê Hùng V1 bán lại từ năm 1994. Để thuận tiện cho việc chuyên chở vật liệu xây dựng, ông S yêu cầu ông T3 phải dọn dẹp toàn

bộ hàng rào, cây cối mà ông T3 đã tự ý xây dựng trên con đường đất để trả lại con đường như trước đây thì ông T3 không đồng ý, ngược lại còn có hành vi thách thức và cho rằng đây là con đường riêng của gia đình ông T3 nên ông T3 có quyền lấn chiếm.

Năm 2019, ông Nguyễn Văn T3 tiếp tục việc xây dựng trái phép và lấn chiếm toàn bộ con đường đất. Thấy vậy, ông S, anh T1 và ông Phan Tiến B làm đơn gửi đến nhiều Cơ quan chức năng để yêu cầu giải quyết.

Trong các buổi làm việc tại UBND xã C1 thì: *“Ông Nguyễn Văn T3 hoàn toàn thừa nhận việc lấn chiếm con đường đất và đồng ý sẽ trả lại toàn bộ con đường. Nhưng sau đó, ông T3 lại thay đổi ý kiến chỉ đồng ý trả lại phần mặt đường đã lấn chiếm là 2,5m, còn 1,5m thì không đồng ý trả lại và phải đền bù tài sản trên đất cho ông T3”*.

Ngày 07/11/2019, UBND xã C1 thành lập Tổ xác minh tiến hành kiểm tra nội dung tranh chấp. Tại Báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh ngày 15/11/2019 Tổ xác minh đã kết luận: *“Theo GCNQSDĐ mà ông Nguyễn Văn T3 được cấp thì có chiều ngang theo mặt đường bê tông thôn 02 chỉ là 40m, nhưng hiện trạng thì ông T3 lại sử dụng đến 45m, có nghĩa ông T3 lấn chiếm đến 5m mặt đường”*.

Ngày 05/02/2020, UBND xã C1 tiếp tục tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai TNG nhưng không thành, cho đến nay ông T3 vẫn không tự nguyện tháo dỡ tài sản để trả lại con đường đất đã lấn chiếm. Cho nên, UBND xã C1 hướng dẫn các bên khởi kiện đến TAND huyện Cư M'gar để giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy, hành vi ông Nguyễn Văn T3 xây dựng, lấn chiếm toàn bộ con đường đất có chiều rộng 4m, chiều dài 75m là con đường duy nhất để đi lại giữa các thửa đất số: 172, 177, 178, 180; tờ bản đồ số: 18 là việc làm hết sức trái pháp luật, dẫn đến không có lối đi từ các thửa đất phía sau ra đường liên thôn phía trước.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người sử dụng đất, đảm bảo việc giao thông đi lại được thuận tiện. Cho nên, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Hoàng T1 đã khởi kiện ông Nguyễn Văn T3 ra trước Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar với nội dung:

Buộc ông Nguyễn Văn T3 phải tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình xây dựng trái phép là tường rào, cây trồng và vật kiến trúc khác tồn tại trên con đường đất có diện tích: 300m² (Chiều rộng 4m x chiều dài 75m), có vị trí nằm giữa các thửa đất số: 172, 177, 178, 180; tờ bản đồ số: 18, tọa lạc tại: Thôn 2, xã C1, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk để trả lại con đường đất theo đúng hiện trạng sử dụng trước đây nhằm phục vụ việc đi lại được thuận tiện.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn T3, ông T3 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho bà Phan Thị Thúy V2 trình bày:**

Về nguồn gốc đất: Năm 1984, gia đình ông T3 được Hợp tác xã E3 cấp đất, đến năm 1985 ông T3 làm nhà trên đất nên có mở lối đi ở phía Tây lô đất để sử dụng đi vào nhà và lối đi này nằm ở phần đất của ông T3.

Đến năm 1999 - 2000, do có đường điện nên ông T3 mới chuyển nhà lên phía giáp mặt đường đi và lấp con đường đi đã mở trước đó, và khi lấp đường thì không ai khiếu nại, kiện cáo gì. Năm 2018, khi nhà nước chủ trương làm đường bê tông, đã thu tiền đối ứng 45m mặt đường thì ông T3 nộp đủ.

Đến năm 2019, ông Nguyễn Văn S khởi kiện, tố cáo cho rằng ông T3 lấn chiếm đất, lấp đường đi. Sau khi ông S khiếu nại đến Ủy ban nhân xã, lúc đầu ông T3 đồng ý mở con đường là 2,5m, nhưng ông S không chấp nhận buộc gia đình ông T3 mở hết con đường là 04m, nên ông T3 không đồng ý.

Ông T3 xác định sau khi được Hợp tác xã E3 cấp đất, ông làm nhà ở cuối thửa đất nên tự mở lối đi trên phần đất của mình được cấp để đi vào nhà và có cho ông Lê Hùng V1 đi nhờ. Sau đó chuyển nhà lên gần đường liên thôn nên ông lấp lối đi lại và không sử dụng nữa. Đến năm 1994, thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do không kiểm tra lại nên ông không biết việc trên giấy chứng nhận có thể hiện lối đi ở bên hông đất về phía Tây. Do đó, việc ông S và ông T1 khởi kiện yêu cầu phải mở lại lối đi có chiều ngang là 04m, chiều dài 75m, thì ông T3 không đồng ý.

Hiện trạng lô đất ông T3 đang sử dụng thì phần giáp với đất của ông S là đường xéo (không thẳng), nguyên nhân có phần đất xéo là do trước đây có một cây đa rất to ảnh hưởng đến việc sử dụng đất, nên ông T3 mới chặt bỏ và đốt cây đa. Sau khi chuyển nhà lên gần đường đi thì ông T3 có đào hầm rút ngay chỗ phần đất xéo.

Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S, vì con đường là do Hợp tác xã chia cho gia đình tôi, tôi không lấn chiếm đất đai của ai để làm đường cả.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị L2 và bà Võ Thị V1 là ông Trần Cao T2 trình bày:**

Bà Lâm Thị L2 và bà Võ Thị V1 hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông S và ông T1.

*** Người đại diện theo ủy quyền Ủy ban nhân dân xã C1 là ông Nguyễn Đình C trình bày:**

Việc tranh chấp lối đi giữa hai bên đã được Ủy ban nhân dân xã C1 hòa giải nhưng không thành, UBND xã C1 rất mong hai bên hòa giải được với nhau nếu không thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Người làm chứng ông Phan Tiến B trình bày:**

Ông chỉ có mối quan hệ quen biết với nguyên đơn và bị đơn. Năm 1984 thì ông T3 và ông S có sử dụng đất nông nghiệp, có một con đường đất dài khoảng 75m, rộng khoảng 4 đến 5m. Đến năm 2005 thì ông T3 tự ý chiếm đường rào lại không cho ông B và ông T1 con ông S đi lại, gia đình ông B phải đi vòng phía sau. Đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T3 mở lại con đường cho người dân đi lại.

Tại phiên tòa ngày 26/7/2024, ông B trình bày, ông không biết có con đường đi chung như nguyên đơn khởi kiện.

*** Người làm chứng ông Lê Hùng V1 trình bày:**

Ông V1 gọi ông Nguyễn Văn T3 là cậu họ bên mẹ. Vào năm 1984 ông V1 có công tác tại Ủy ban nhân dân xã C1 và được cấp một vườn tại khu vực Hợp tác xã nông nghiệp E3 nay thuộc Thôn 2, xã C1, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích khoảng 03 sào, ông V1 không nhớ rõ, có hướng Đông giáp đường đi chung với ông Nguyễn Văn T3, phía Tây giáp đất ông Phùng Văn B, Nam giáp suối cạn, Bắc giáp ông Nguyễn L1. Đến năm 1993 ông V1 sang nhượng lại cho ông Nguyễn L1 với giá 9,5 chỉ vàng. Lúc sang nhượng đất chưa có bìa đỏ, không đo đạc diện tích, trên đất có cà phê và nhà ở. Lúc nhận đất đã có con đường mở hai gia đình đi chung, ông V1 và ông T3 đều làm nhà gần khu suối cạn, chưa lên mặt đường. Do đi làm ăn xa, không có ở nhà nên ông V1 từ chối tham gia giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 254 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 12, khoản 1 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (Nguyễn Luận) và ông Nguyễn Hoàng T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T3 tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình xây dựng trái phép là tường rào, cây trồng và vật kiến trúc khác trên con đường đất diện tích 300m² (4m x 75m), vị trí nằm giữa các

thửa đất số 172, 177, 178, 180 tờ bản đồ số 18 tại thôn 2, xã C1, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk để trả lại con đường đất theo đúng hiện trạng bản đồ giải thửa năm 1994.

Ngoài ra, Quyết định sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Hoàng T1 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Hoàng T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Hoàng T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Hoàng T1 được nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí nên hợp lệ. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Hoàng T1 không rút đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo; Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Hoàng T1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc của lỗi đi:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Hoàng T1 cho rằng trước năm 1999, để thuận tiện cho việc làm rẫy và vận chuyển nông sản từ khu vườn phía sau ra mặt đường phía trước nên ông S cùng một số hộ dân xung quanh, trong đó có ông Phan Tiến B đã sử dụng 01 lối đi có chiều ngang 4m x chiều dài 75m. Như vậy, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Hoàng T1 và người làm chứng ông Phan Tiến B đều xác định các ông chỉ sử dụng chứ không phải là người mở lối đi trên.

Mặt khác, theo kết quả xác minh tại UBND xã C1 và xác nhận của Trưởng thôn 2, xã C1 là ông Hoàng Đình T5 đều thể hiện thống nhất nội dung: Năm 1985, gia đình ông T3 được Hợp tác xã E3 giao 01 diện tích đất, sau đó ông T3 đã làm nhà ở cuối thửa đất này và làm một con đường giáp với đất của ông Lê Hùng V1 tại thời điểm đó (nay là giáp với thửa đất số 178 của ông Nguyễn Hoàng T1), có hướng đi từ nhà ông T3 lên đường thôn 2. Đến khoảng năm 1999 – 2000, ông T3 chuyển nhà lên sinh sống phía giáp mặt đường thôn 2 để làm nhà và sinh sống nên ông đã lấp đi một đoạn đường phía giáp với đường thôn 2 và chỉ chừa lại một đoạn đường phía sau giáp với thửa đất số 178. Kết quả xác minh này cũng là phù hợp với Kết luận số 117/KL-UBND ngày 16/4/2021 của UBND huyện Cư M'gar và Biên bản xác minh ngày 06/6/2024 tại UBND xã C1. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định con đường mà các bên tranh chấp là lối đi riêng của gia đình ông T3, được ông T3 tạo nên từ năm 1985. Đến năm 1986 thì ông S mới bắt đầu sử dụng thửa đất số 180.

[2.2] Ông Nguyễn Văn S cho rằng lối đi đang tranh chấp có tứ cận phía Bắc giáp đường bê tông, rộng 4m; Phía Nam giáp đất nhà ông T3, rộng 04m; Phía Đông giáp đất nhà ông T3, dài 75m; Phía Tây giáp sân xi măng của ông T3, đất của ông T3 và đất của ông T1. Tuy nhiên, tại kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ lại cho thấy lối đi này có tổng diện tích 02 phần là 301,5m² và nằm hoàn toàn trong sân xi măng và vườn tiêu của ông T3 (gồm 69,2m² nằm trong sân xi măng của ông T3, có 01 cạnh là hàng rào, giáp đường thôn 2, rộng 01m và 232,3m² còn lại là nằm trong vườn tiêu của ông T3). Như vậy, ông S cho rằng lối đi là con đường có chiều rộng 4m x chiều dài 75m, nằm giữa thửa đất số 172 và thửa đất số 180 là không đúng. Ngoài ra, ông T3 đã lấp lối đi vào khoảng năm 1999 đến 2000, ông S cho rằng ông T3 lấp lối đi vào năm 2005, nhưng đến năm 2012 sau khi ông T1 lập gia đình thì ông S mới tách thửa cho vợ chồng ông T1 phần diện tích đất phía sau đất của ông S (phần diện tích đất đã nhận chuyển nhượng trước đây của ông V1). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định từ năm 2005 đến nay gia đình ông S và ông T1 không đi trên con đường này là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 06/6/2024 của UBND xã C1 xác định: “...Hiện nay địa phương cũng không quy hoạch mở lối đi như ông S, ông T1 khởi kiện...”. Ngoài ra, tại Kết luận số 117/KL-UBND ngày 16/4/2021 của UBND huyện C2 cũng đã kết luận: “Việc mở lại con đường dài 75m (con đường cụt) không phải là phục vụ cho việc đi lại cho người dân Thôn 2 mà chỉ phục vụ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T3 trước đây và đây cũng là con đường cụt đi vào vườn của ông Nguyễn Văn T3, cùng với đó nguồn gốc sử dụng đất trước khi đo đạc năm 1994 là đất của gia đình ông Nguyễn Văn T3 được Hợp tác xã E3 giao từ năm 1985 và sử dụng ổn định cho đến năm 1994 mới có trên bản đồ địa chính. Vì vậy, việc mở lại con đường là không phù hợp với thực tế, không phục vụ đi lại chung cho người dân thôn 2”.

Tại phiên toà, nguyên đơn xuất trình Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND xã C1 và cho rằng Kết luận số 02/KL-UBND ngày 19/6/2020 không còn giá trị. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm không dựa vào nội dung kết luận tại Kết luận số 02/KL-UBND ngày 19/6/2020 mà căn cứ vào kết quả xác minh tại Kết luận số 117/KL-UBND ngày 16/4/2021 của UBND huyện C2 và hiện nay Kết luận này chưa bị cơ quan có thẩm quyền huỷ bỏ, thu hồi.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Hoàng T1 là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Hoàng T1 phải liên đới chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 24.600.000 đồng (trong đó gồm 3.000.000 đồng và 10.600.000 đồng của vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 369/2021/TLST-DS ngày 20/10/2021 và 11.000.000 đồng của vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 180/2023/TLST - DS ngày 30/5/2023).

[4] Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn S là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông Nguyễn Văn S (Nguyễn Luận) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 60/AA/2021/0001399 ngày 20/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C2, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Hoàng T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Hoàng T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 60/2024/DS-ST ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 254 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S (Nguyễn L1) và ông Nguyễn Hoàng T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T3 tháo dỡ, di dời toàn bộ công trình xây dựng trái phép là tường rào, cây trồng và vật kiến trúc khác trên con đường đất diện tích 300m² (4m x 75m), vị trí nằm giữa các thửa đất số 172, 177, 178, 180 tờ bản đồ số 18 tại thôn 2, xã C1, huyện C2, tỉnh Đắk Lắk để trả lại con đường đất theo đúng hiện trạng bản đồ giải thửa năm 1994.

[2] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Hoàng T1 phải liên đới chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 24.600.000 đồng (hai mươi tư triệu S trăm nghìn đồng) (trong đó gồm 3.000.000 đồng và 10.600.000 đồng của vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 369/2021/TLST-DS ngày 20/10/2021 và 11.000.000 đồng của vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 180/2023/TLST - DS ngày 30/5/2023).

[3] Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn S là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông Nguyễn Văn S (Nguyễn L1) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001399 ngày 20/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C2, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Hoàng T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng tại Biên lai thu số 0007839 ngày 07/8/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C2, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C2;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Duy Tuấn